

NGÂN HÀNG NHÀ
NƯỚC
Số: 06/2002/TT-NHNN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 23 tháng 12 năm 2002

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thực hiện Nghị định 79/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Công ty tài chính

Ngày 04 tháng 10 năm 2002, Chính phủ ban hành Nghị định số 79/2002/NĐ-CP về tổ chức và hoạt động của Công ty tài chính, Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định thuộc phạm vi thẩm quyền của Ngân hàng Nhà nước như sau:

MỤC I. CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi điều chỉnh:

1.1. Thông tư này hướng dẫn chi tiết một số nội dung tại Nghị định 79/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Công ty tài chính (sau đây gọi tắt là Nghị định 79/2002/NĐ-CP).

1.2. Ngân hàng Nhà nước có văn bản hướng dẫn riêng những nội dung có liên quan đến tổ chức và hoạt động của Công ty tài chính sau đây:

- Quy chế về Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên và người điều hành;
- Quy định về tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp, trình độ chuyên môn, năng lực điều hành của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và người điều hành;
- Quy chế về cổ đông, cổ phần, cổ phiếu và vốn điều lệ;
- Quy chế về việc mở và chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện;
- Quy chế về hoạt động bao thanh toán;

2. Các loại hình Công ty tài chính:

Công ty tài chính là loại hình tổ chức tín dụng phi ngân hàng, là một pháp nhân Việt nam, hạch toán độc lập. Công ty tài chính được thành lập và hoạt động tại Việt Nam gồm các loại hình sau:

2.1. Công ty tài chính Nhà nước: là Công ty tài chính do Nhà nước đầu tư vốn, thành lập và tổ chức quản lý hoạt động kinh doanh. Công ty tài chính Nhà nước được thành lập và hoạt động tại Việt Nam dưới 2 hình thức:

a) Công ty tài chính thuộc Tổng công ty Nhà nước, do Tổng công ty Nhà nước cấp 100% vốn điều lệ.

b) Công ty tài chính Nhà nước khác.

Việc cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của loại hình Công ty tài chính này được thực hiện theo hướng dẫn riêng của Ngân hàng Nhà nước.

2.2. Công ty tài chính cổ phần: là Công ty tài chính do các tổ chức và cá nhân cùng góp vốn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và các quy định khác của pháp luật được thành lập dưới hình thức công ty cổ phần.

2.3. Công ty tài chính trực thuộc tổ chức tín dụng: là Công ty tài chính do một tổ chức tín dụng thành lập bằng vốn tự có của mình, làm chủ sở hữu theo quy định của pháp luật hạch toán độc lập và có tư cách pháp nhân.

2.4. Công ty tài chính liên doanh: là Công ty tài chính được thành lập bằng vốn góp giữa bên Việt Nam gồm một hoặc nhiều tổ chức tín dụng, doanh nghiệp Việt Nam và bên nước ngoài gồm một hoặc nhiều tổ chức tín dụng nước ngoài trên cơ sở hợp đồng liên doanh.

2.5. Công ty tài chính 100% vốn nước ngoài: là Công ty tài chính được thành lập bằng vốn của một hoặc nhiều tổ chức tín dụng nước ngoài theo quy định của pháp luật Việt Nam.

3. Thời hạn hoạt động:

Thời hạn hoạt động của Công ty tài chính tại Việt Nam không quá 50 năm. Trường hợp cần gia hạn thời hạn hoạt động phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận. Mỗi lần gia hạn không quá 50 năm.

Đối với Công ty tài chính thuộc Tổng công ty Nhà nước và Công ty tài chính trực thuộc tổ chức tín dụng, thời hạn hoạt động của Công ty tài chính không được vượt quá thời hạn hoạt động của Tổng công ty Nhà nước hoặc tổ chức tín dụng.

4. Vốn điều lệ:

Vốn điều lệ của Công ty tài chính được đóng góp dưới những hình thức sau:

4.1. Bằng tiền:

a) Đối với Công ty tài chính thuộc Tổng công ty Nhà nước, Công ty tài chính trực thuộc tổ chức tín dụng và Công ty tài chính cổ phần, vốn điều lệ được góp bằng Đồng Việt Nam.

b) Đối với Công ty tài chính 100% vốn nước ngoài, vốn điều lệ được góp bằng Đôla Mỹ.

c) Đối với Công ty tài chính liên doanh: bên nước ngoài góp vốn điều lệ bằng Đôla Mỹ, Bên Việt Nam góp vốn điều lệ bằng Đôla Mỹ hoặc bằng Đồng Việt Nam. Trường hợp góp bằng Đồng Việt Nam, số tiền góp vốn điều lệ phải được quy đổi ra Đôla Mỹ theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng giữa Đồng Việt Nam với Đôla Mỹ do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm góp vốn.

4.2. Bằng hiện vật:

Vốn điều lệ được góp bằng hiện vật phải là tài sản có giấy tờ hợp pháp chứng minh quyền sở hữu và là tài sản cần thiết phục vụ trực tiếp cho hoạt động của Công ty tài chính. Việc định giá và chuyển quyền sở hữu tài sản góp vốn được thực hiện theo quy định hiện hành của luật pháp Việt Nam.

5. Tỷ lệ góp vốn điều lệ, chuyển nhượng phần vốn góp và phân chia lợi nhuận của Công ty tài chính liên doanh và Công ty tài chính 100% vốn nước ngoài:

5.1. Tỷ lệ góp vốn điều lệ:

a) Tỷ lệ góp vốn: tỷ lệ góp vốn điều lệ của bên nước ngoài và bên Việt Nam trong Công ty tài chính liên doanh do các bên thoả thuận và được sự chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước. Phần vốn góp của bên nước ngoài không được vượt quá 49% vốn điều lệ của Công ty tài chính.

b) Tỷ lệ góp vốn của Công ty tài chính liên doanh và Công ty tài chính 100% vốn nước ngoài phải được quy định cụ thể trong Điều lệ của Công ty tài chính.

5.2. Chuyển nhượng phần vốn góp:

a) Bên Việt Nam và Bên nước ngoài trong Công ty tài chính liên doanh được quyền chuyển nhượng phần vốn góp của mình cho các bên trong liên doanh, nhưng phải đảm bảo tỷ lệ góp vốn điều lệ theo quy định tại điểm 5.1. Trường hợp chuyển nhượng phần vốn góp của mình vượt mức quy định phải được sự chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước.

b) Công ty tài chính 100% vốn nước ngoài có quyền chuyển nhượng vốn của mình nhưng phải ưu tiên cho các tổ chức Việt Nam.

c) Điều kiện chuyển nhượng vốn của Công ty tài chính liên doanh, Công ty tài chính 100% vốn nước ngoài phải được quy định cụ thể trong điều lệ của Công ty tài chính và phải phù hợp với quy định của pháp luật.

d) Mọi trường hợp chuyển nhượng vốn của Công ty tài chính liên doanh và Công ty tài chính 100% vốn nước ngoài phải báo cáo Ngân hàng Nhà nước và chỉ có hiệu lực sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.

e) Trong trường hợp chuyển nhượng vốn của Công ty tài chính có phát sinh lợi nhuận thì bên chuyển nhượng phải nộp thuế theo quy định của pháp luật Việt Nam.

5.3. Phân chia lợi nhuận và mức độ chia sẻ rủi ro:

Các bên tham gia Công ty tài chính liên doanh chia lợi nhuận và chịu rủi ro của Công ty tài chính liên doanh theo tỷ lệ góp vốn của mỗi bên, trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác được quy định trong hợp đồng liên doanh.

6. Giải thích từ ngữ:

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

6.1. Tổ chức tín dụng nước ngoài: là ngân hàng, tổ chức tài chính nước ngoài hoặc tổ chức tài chính quốc tế được thành lập theo pháp luật nước ngoài hoặc quốc tế, tham gia góp vốn vào Công ty tài chính liên doanh, Công ty tài chính 100% vốn nước ngoài tại Việt Nam.

6.2. Vốn pháp định: là mức vốn tối thiểu phải có theo quy định của pháp luật để thành lập Công ty tài chính.

6.3. Vốn điều lệ: là số vốn do các tổ chức, cá nhân góp và được ghi vào Điều lệ của Công ty tài chính.

6.4. Thành viên sáng lập: là các tổ chức, cá nhân tham gia thông qua Điều lệ đầu tiên của Công ty tài chính.

6.5. Cổ đông lớn: là cá nhân hoặc tổ chức sở hữu trên 10% vốn điều lệ hoặc nắm giữ trên 10% vốn cổ phần có quyền bỏ phiếu tại Công ty tài chính.

MỤC II. QUY ĐỊNH VỀ CẤP GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG ĐỐI VỚI CÔNG TY TÀI CHÍNH

7. Điều kiện để được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động đối với Công ty tài chính (sau đây gọi tắt là Giấy phép):

7.1. Có nhu cầu hoạt động trên địa bàn xin hoạt động;

7.2. Có đủ vốn pháp định được quy định tại Nghị định số 82/1998/NĐ-CP ngày 3 tháng 10 năm 1998 của Chính phủ về ban hành danh mục mức vốn pháp định của các Tổ chức tín dụng, cụ thể như sau:

a) Vốn pháp định của Công ty tài chính Nhà nước, Công ty tài chính cổ phần, Công ty tài chính trực thuộc tổ chức tín dụng là 50 tỷ VND.

b) Vốn pháp định của Công ty tài chính liên doanh, Công ty tài chính 100% vốn nước ngoài là 5 triệu USD.

7.3. Thành viên sáng lập là các tổ chức, cá nhân có uy tín và năng lực tài chính;

7.4. Người quản trị, điều hành có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và trình độ chuyên môn phù hợp với hoạt động của Công ty tài chính và quy định của Ngân hàng Nhà nước;

7.5. Có Điều lệ về tổ chức và hoạt động phù hợp với Luật các Tổ chức tín dụng, Nghị định số 79/2002/NĐ-CP và các quy định khác của pháp luật;

7.6. Có phương án kinh doanh khả thi;

7.7. Ngoài các điều kiện nêu trên, bên nước ngoài trong Công ty tài chính liên doanh và Công ty tài chính 100% vốn nước ngoài phải: